

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 (vắng mặt có đơn).

ĐKTT: Số 117/TB, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1975 (vắng mặt).

ĐKTT: Số 117/TB, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn K kết hôn vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2002. Sau khi cưới, thời gian đầu bà và ông K sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay bà nhận thấy hôn nhân của bà và ông K đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn K.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông K có 02 con chung tên Phạm Minh K1, sinh ngày 16/02/1999 và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2011. Cháu K1 đã trưởng thành, còn cháu T đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn ông Phạm Văn K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà B và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục:* Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật dân sự. Riêng bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là

chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Phạm Văn K.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh K1, sinh ngày 16/02/1999 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2011. Giao cháu T cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T nhưng không thấp hơn 1.930.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn K kết hôn vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2002. Do đó, hôn nhân của bà B và ông K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông K. Ông K biết việc bà B yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ ông K không có thiện chí hàn gắn cùng bà B. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của bà B và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông K có 02 con chung tên Phạm Minh K1, sinh ngày 16/02/1999 và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2011. Hiện cháu K1 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết. Riêng cháu T đang sống cùng bà B. Tại biên bản lấy ý kiến con chung, cháu T

có nguyện vọng sống cùng bà B sau khi cha mẹ ly hôn. Xét việc bà B tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của cháu T. Do đó, HĐXX chấp nhận giao cháu T cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông K không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà bà B yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình, ông Phạm Văn K phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị B ly hôn với ông Phạm Văn K.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh K1, sinh ngày 16/02/1999 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2011. Giao cháu Phạm Nguyễn Minh T cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Minh T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng biên lai thu tiền số 0009132 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

- Ông Phạm Văn K phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Bảo Thạnh (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Tâm